

Sao kê chi tiết từ **22/04/2016** đến **22/04/2016**

From date To date

Mã khách hàng :**99999881** Số cũ: 120003469

CIF NO

Loại tiền : **VND**

Currency

Tên tài khoản : **TRUONG DHL HN-TK CHUYEN THU-VND**

Account Name

Số tài khoản : **999998819998** Số cũ: 41201200034697049999

Account Number

Tên khách hàng : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI**

Customer Name

Địa chỉ : **SO 87 NGUYEN CHI THANH . Q.DONG DA TP.HA NOI**

Address

Ngày in : **25/04/2016**

Printing date

Ngày giao dịch <i>Txn. date</i>	Ngày hiệu lực <i>Value date</i>	Nội dung giao dịch <i>Description</i>	Số giao dịch <i>Txn. No</i>	Ghi nợ <i>Debit</i>	Ghi có <i>Credit</i>	Số dư <i>Balance</i>
Số dư đầu kỳ Opening Balance				5,584,846,469.00		
22/04/2016	22/04/2016	DOAN XUAN DUY NT HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015-2016 MA SO SINH VIEN: 390557	100NT01161130001		3,240,000.00	5,588,086,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TC:MI0200159.NGUYEN NGOC PHUONG MA SV:391366 NT HOC PHI~NC:NGUYEN NGOC PHUONG - Nguoi chuyen: NGUYEN NGOC PHUONG	001CTD1161130017		14,040,000.00	5,602,126,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TC:RV6700052.BUI NGUYEN MINH HANG MSSV 391365~NC:NGUYEN THI HONG VAN - Nguoi chuyen: NGUYEN THI HONG VAN	001CTD1161130025		2,880,000.00	5,605,006,469.00
22/04/2016	22/04/2016	BUI MAI LINH - MSV 391134-LOP 3911-HOC PHI KY 2 2016-2017	260NT02161130001		3,420,000.00	5,608,426,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN LINH TRANG MSSV 381508 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130002		3,420,000.00	5,611,846,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI THUONG MSV 370268 CT HOC PHI ~NC:TC - Nguoi chuyen: TC	001CTD1161130041		900,000.00	5,612,746,469.00
22/04/2016	22/04/2016	995216042200574 - LE THI THUY HANH.MSSV 381049 NOP HOC PHI ~NC:LE NGOC MINH14-139 TRUONG THI, TP THANH HOHOA - Nguoi chuyen: LE NGOC MINH14-139 TRUONG THI, TP THANH HOHOA	001CTD1161130049		3,420,000.00	5,616,166,469.00
22/04/2016	22/04/2016	995216042200750 - NOP HOC PHI CHO HOC SINH DO THI THU THUY MA SINH VIEN 392116 ~NC:NGUYEN THI HAI LUUNGAN HANG DT VA PT YEN BAI - Nguoi chuyen: NGUYEN THI HAI LUUNGAN HANG DT VA PT YEN BAI	001CTD1161130050		3,240,000.00	5,619,406,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN VAN TRUONG MSSV:382825 LOP 3828 NT HOC PHI KY II NAM 2015-2016	124NT01161130001		3,060,000.00	5,622,466,469.00

22/04/2016	22/04/2016	THAN THI NHUNG MSSV 392220 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130003		3,240,000.00	5,625,706,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DO THI HUYEN MSSV 381426 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130004		3,420,000.00	5,629,126,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAN THI HONG MSSV 381434 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130005		3,060,000.00	5,632,186,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG THI THINH MSSV 391249 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130006		2,880,000.00	5,635,066,469.00
22/04/2016	22/04/2016	Hoang Thi Huong nop tien hoc phi. Sinh vien Hoang Thi Huong lop 3710 khoa 37 ma so sinh vien 371001. Nhan tai NH Lien Viet CN dong do~NC:HOANG THI HUONG - Nguoi chuyen: HOANG THI HUONG	001CTD1161130057		1,980,000.00	5,637,046,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN THI THU HUYEN MSSV 370366 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130007		900,000.00	5,637,946,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRINH THI THAO - MSSV 372618 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130008		1,800,000.00	5,639,746,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAM THI HUONG LAN NT HP MSSV: 371535	102NT01161130004		2,520,000.00	5,642,266,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HA THE ANH MSSV 380349 NOP HOC PHI KY II NAM 2015-2016 CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01161130003		3,960,000.00	5,646,226,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HA THE ANH NOP TIEN HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016 LE THI THANH PHUONG MSSV 380352 CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01161130004		3,780,000.00	5,650,006,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TC:VNCN47226.Tran Hong Ngoc, MSSV 391164. Tien 16 tin chi~NC:PHAN HONG VAN - Nguoi chuyen: PHAN HONG VAN	001CTD1161130134		2,880,000.00	5,652,886,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI HUYEN MSSV:391803 LOP 3918 NT HOC PHI~NC:NGUYEN THI HUYEN - Nguoi chuyen: NGUYEN THI HUYEN	001CTD1161130136		2,700,000.00	5,655,586,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHU THI HOA PHUONG - MSSV 392247 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130009		3,240,000.00	5,658,826,469.00
22/04/2016	22/04/2016	MAI THE DUY NOP HOC PHI ~NC:0974740212 - Nguoi chuyen: 0974740212	001CTD1161130148		2,405,000.00	5,661,231,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DANG THI MAI HOA MSSV: 380547 NTHP	120NT01161130002		3,420,000.00	5,664,651,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THANH THUY - MSSV: 393032 DONG TIEN HOC KI II NAM HOC 2015-2016	121NT01161130002		3,060,000.00	5,667,711,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI HAN MSSV: 372132 NTHP	120NT01161130003		1,800,000.00	5,669,511,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG THI KHOAN MSSV: 380554 NTHP	120NT01161130004		3,420,000.00	5,672,931,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRIEU THI NGOAN MSSV: 380555 NTHP	120NT01161130005		3,420,000.00	5,676,351,469.00
22/04/2016	22/04/2016	VU TU ANH MSSV: 370717 NHP KI 2 NAM HOC 2015-2016	120NT01161130006		540,000.00	5,676,891,469.00
22/04/2016	22/04/2016	MA THI NGOC MSSV: 392708 NTHP	120NT01161130007		2,880,000.00	5,679,771,469.00

22/04/2016	22/04/2016	TRAN THI HA MSSV: 380124	120NT01161130008		3,600,000.00	5,683,371,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG THI NUONG MSV: 382457 LOP 3824 KHOA K38	120NT01161130009		6,450,000.00	5,689,821,469.00
22/04/2016	22/04/2016	Truong Thi Nga nop hoc phi. Ma SV: 371648~NC:Truong Thi Nga - Nguoi chuyen: Truong Thi Nga	001CTD1161130163		1,800,000.00	5,691,621,469.00
22/04/2016	22/04/2016	Nop tien hoc phi HK II cho Nguyen The Anh Ma so SV 370713~NC:Tran Thi Tuyet Mai - Nguoi chuyen: Tran Thi Tuyet Mai	001CTD1161130183		1,080,000.00	5,692,701,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI DIEU LINH MSSV: 361053 NTHP	120NT01161130010		540,000.00	5,693,241,469.00
22/04/2016	22/04/2016	VU ANH QUAN MSSV: 382440	120NT01161130011		2,700,000.00	5,695,941,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THI THU HA MSSV: 391232 NTHP	120NT01161130012		3,600,000.00	5,699,541,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGO THI THAO MSSV: 382337	120NT01161130013		2,700,000.00	5,702,241,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN HOANG PHUONG ANH MSSV: 392011 NTHP	120NT01161130014		3,600,000.00	5,705,841,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN VAN BINH MSSV: 391242 NTHP	120NT01161130015		3,240,000.00	5,709,081,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN LAN NHI MSSV 392764 NOP HOC PHI	105NT01161130010		2,160,000.00	5,711,241,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG DUC TUAN MSSV 382866 NT HOC KY II 2015-2016	340NT02161130002		2,700,000.00	5,713,941,469.00
22/04/2016	22/04/2016	VU DUC TRUONG NOP HOC PHI HK II NAM 2016 MSV: 381121	102NT01161130006		3,420,000.00	5,717,361,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN VU TUAN KIET NOP HP HOC KY II NAM 2016 MSV: 370960	102NT01161130007		540,000.00	5,717,901,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE MAI KHANH MSSV 370971 NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2	122NT01161130004		1,800,000.00	5,719,701,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DINH VAN NAM CMT:132108528 NOP TIEN HOC PHI KI 2 NAM HOC 2015-2016	111NT01161130003		540,000.00	5,720,241,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LUONG THI DOAN MSSV: 391238 NHP	120NT01161130018		3,240,000.00	5,723,481,469.00
22/04/2016	22/04/2016	CAM THUY AN MSV:380608 NTHP	120NT01161130019		3,240,000.00	5,726,721,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG THI LINH MSSV: 381764	120NT01161130020		3,600,000.00	5,730,321,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG THI NGOC LUYEN MSSV: 380355 NTHP	120NT01161130021		2,880,000.00	5,733,201,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGO ANH TUAN MSSV: 380651 NTHP	120NT01161130022		3,240,000.00	5,736,441,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DUONG THI TUONG VI MSSV: 392056 NTHP	120NT01161130023		3,240,000.00	5,739,681,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN HONG NHUNG MSSV 390915 NOP HP	121NT01161130004		2,880,000.00	5,742,561,469.00
22/04/2016	22/04/2016	BUI THI HONG QUYEN MSSV: 381142 NTHP	120NT01161130024		3,420,000.00	5,745,981,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN NGOC LINH CHI MSSV 390909 CLC 39A NOP HP	121NT01161130005		14,040,000.00	5,760,021,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAN THI THUY DUNG MSV: 382218	120NT01161130025		3,240,000.00	5,763,261,469.00
22/04/2016	22/04/2016	VO THI QUYNH LUONG MSSV: 371717 NTHP	120NT01161130026		2,700,000.00	5,765,961,469.00

22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI QUY MSSV: 380843	120NT01161130027		3,600,000.00	5,769,561,469.00
22/04/2016	22/04/2016	VU THI THUY MSSV: 391057	120NT01161130028		3,240,000.00	5,772,801,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI MAI MSSV: 380837 NTHP	120NT01161130029		3,600,000.00	5,776,401,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THUY HANG MSSV: 391458	120NT01161130030		2,880,000.00	5,779,281,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DO THI ANH HANG MSV: 381339	120NT01161130031		3,600,000.00	5,782,881,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TAN THI THU TRANG MSSV: 380743	120NT01161130032		3,600,000.00	5,786,481,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN MAI ANH MSSV: 371217	120NT01161130033		900,000.00	5,787,381,469.00
22/04/2016	22/04/2016	BUI THI LAN MSSV: 393024 NTHP HK 2, 2015-2016	120NT01161130034		3,060,000.00	5,790,441,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI THU TRANG MSSV: 393021 NTHP	120NT01161130035		3,060,000.00	5,793,501,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN LAM GIANG MSSV: 393020 NTHP	120NT01161130036		3,060,000.00	5,796,561,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THU HUYEN MSSV 391848 NOP HP	121NT01161130006		3,060,000.00	5,799,621,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI THUY MSSV: 382441	120NT01161130037		2,700,000.00	5,802,321,469.00
22/04/2016	22/04/2016	BUI THI PHUONG MSSV: 390225 NTHP	120NT01161130038		3,240,000.00	5,805,561,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRUONG NGOC HUYEN MSSV: 390228 NTHP	120NT01161130039		2,880,000.00	5,808,441,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI NGOC HAN MSSV: 370812 NTHP	120NT01161130040		2,700,000.00	5,811,141,469.00
22/04/2016	22/04/2016	VU THI YEN MSSV: 380625 NTHP	120NT01161130041		3,420,000.00	5,814,561,469.00
22/04/2016	22/04/2016	CAO THI HA MSSV: 370334 NTHP	120NT01161130042		1,440,000.00	5,816,001,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRINH THI PHUONG MSV 390169 NT HP	105NT01161130015		8,170,000.00	5,824,171,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN HOANG BAO NGOC MSSV: 392953 NTHP	120NT01161130043		3,060,000.00	5,827,231,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LUONG VAN DAN MSSV: 372023 NHP	120NT01161130044		3,600,000.00	5,830,831,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THI THUY MSSV: 370135	120NT01161130045		1,800,000.00	5,832,631,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN PHUONG THUY MSSV: 382422 NTHP	120NT01161130046		2,700,000.00	5,835,331,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRINH VAN THANH MSV: 381733	120NT01161130047		2,700,000.00	5,838,031,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HO THI YEN MSSV: 382434 NTHP HK2 NAM HOC 2015-2016	120NT01161130048		2,700,000.00	5,840,731,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI NHUNG MSSV: 391956 NTHP	120NT01161130049		3,420,000.00	5,844,151,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TAM DUC TUAN MSSV: 380915 NTHP	120NT01161130050		3,420,000.00	5,847,571,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THU THAO MSSV 391975 NTHP	120NT01161130051		2,880,000.00	5,850,451,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DAM THI TRANG MSSV: 370337 NTHP	120NT01161130052		900,000.00	5,851,351,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE PHUONG HOA MSSV: 392017 NTHP	120NT01161130053		3,600,000.00	5,854,951,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI MY HANH MSSV: 382516 NTHP	120NT01161130054		2,700,000.00	5,857,651,469.00

22/04/2016	22/04/2016	MA THI TRANG MSSV: 390918 NTHP	120NT01161130055		3,240,000.00	5,860,891,469.00
22/04/2016	22/04/2016	VU THI THUY TRANG MSSV: 392451 NTHP	120NT01161130056		2,160,000.00	5,863,051,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI NHU QUYNH MSSV: 392405 NTHP	120NT01161130057		2,160,000.00	5,865,211,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI THU TRANG MSSV: 392438 NTHP	120NT01161130058		2,160,000.00	5,867,371,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI KHANH LINH MSSV: 392460 NTHP	120NT01161130059		2,160,000.00	5,869,531,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DAU THI HOAI THUONG MSSV 390545 NOP HOC PHI HOC KI II (2015-2016)	103NT01161130012		3,060,000.00	5,872,591,469.00
22/04/2016	22/04/2016	MAI THUY LINH MSSV: 372719 NTHP	120NT01161130060		1,800,000.00	5,874,391,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TUONG THI ANH MSSV: 372649	120NT01161130061		1,800,000.00	5,876,191,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI LAM ANH MSSV: 390572 NTHP	120NT01161130062		2,520,000.00	5,878,711,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI THAO MSSV 380646 NOP PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130013		3,420,000.00	5,882,131,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN TRUONG GIANG MSSV 370371 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130014		3,240,000.00	5,885,371,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRINH THI THUY DUONG MSSV 371232 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130015		1,800,000.00	5,887,171,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAN THI THANH THUY MSSV 372518 NOP HOC PHI HOC KY II (2015-2016)	103NT01161130016		1,800,000.00	5,888,971,469.00
22/04/2016	22/04/2016	BUI THI NGOC MAI MSSV 370939 NOP HOC PHI HOC KY II (2015-2016)	103NT01161130018		2,100,000.00	5,891,071,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI HIEN MSSV 370934 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130019		1,080,000.00	5,892,151,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAM NGUYET HANG MSSV 392243 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130020		2,880,000.00	5,895,031,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI HIEN MSSV 370923 NOP HOC PHI KY 2 (2015-2016)	103NT01161130021		2,000,000.00	5,897,031,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGO THI LAN ANH MSSV: 391802 NTHP	120NT01161130063		2,880,000.00	5,899,911,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN THI HONG GIANG MSSV 370932 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130022		1,080,000.00	5,900,991,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN THI PHUONG THAO MSSV 370209 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130023		3,420,000.00	5,904,411,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN LE BINH MSSV 391438 LOP CLC39A NOP HOC PHI II (2015-2016)	103NT01161130024		14,040,000.00	5,918,451,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN XUAN TRUONG MSSV 392323 LOP 3923 NOP TIEN HOC PHI KY 2 NAM 2015-2016	320NT02161130001		2,880,000.00	5,921,331,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN MINH HOANG MSSV 390164 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130025		14,040,000.00	5,935,371,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN TUAN ANH MSSV 390656 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130026		3,420,000.00	5,938,791,469.00

22/04/2016	22/04/2016	TRAN CHAU BACH MSSV 390660 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130027		2,520,000.00	5,941,311,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN MANH DOAN MSSV 390673 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130028		3,600,000.00	5,944,911,469.00
22/04/2016	22/04/2016	CAO THI MAI HOA MSSV 380149 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130029		4,320,000.00	5,949,231,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAM THU THUY MSSV 391071 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130030		80,000.00	5,949,311,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG PHUONG HA MSSV 380964 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130031		3,420,000.00	5,952,731,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI MINH PHUNG MSSV: 391944 NTHP	120NT01161130066		3,060,000.00	5,955,791,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DINH QUYNH TRANG MSSV: 392716 NTHP	120NT01161130067		2,880,000.00	5,958,671,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THI KIEU HOA MSSV: 391158	120NT01161130068		3,420,000.00	5,962,091,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN HOANG ANH MSSV: 391858 NTHP	120NT01161130069		3,600,000.00	5,965,691,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LUONG THI NHINH MSSV: 391626 NTHP	120NT01161130070		2,880,000.00	5,968,571,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DUONG ANH TUNG MSSV: 371873 NTHP	120NT01161130071		3,960,000.00	5,972,531,469.00
22/04/2016	22/04/2016	dinh thi thu msv 391601 nt	120NT01161130072		3,240,000.00	5,975,771,469.00
22/04/2016	22/04/2016	QUACH THI YEN MSV 372316 NT	120NT01161130073		1,800,000.00	5,977,571,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DANG HUY HOANG MSV 391568 NT	120NT01161130074		2,880,000.00	5,980,451,469.00
22/04/2016	22/04/2016	BUI QUYEN LINH MSV 391457 NT	120NT01161130075		3,240,000.00	5,983,691,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THI HUONG NHI MSV 391462 NT	120NT01161130076		3,420,000.00	5,987,111,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THI PHUONG NGAN MSV 390248 NT	120NT01161130077		3,240,000.00	5,990,351,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LO THI HANG NGA MSV 381754 NT	120NT01161130078		3,600,000.00	5,993,951,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LUONG NHAT LE MSV 381960 NT	120NT01161130079		3,240,000.00	5,997,191,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THILAN HUONG MSV 372619 NT	120NT01161130080		1,800,000.00	5,998,991,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI ANH HONG MSV 390827 NT	120NT01161130081		3,420,000.00	6,002,411,469.00
22/04/2016	22/04/2016	CAO BICH HOI, MSSV: 392267, LOP 3922 NT HOC PHI	100NT01161130008		3,960,000.00	6,006,371,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THI HIEN MSV 390831 NT	120NT01161130082		3,420,000.00	6,009,791,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGOC THI THUY TRANG MSV 370107 NT	120NT01161130083		2,340,000.00	6,012,131,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN THANH HUONG MSV 393015 NT	120NT01161130084		3,060,000.00	6,015,191,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN QUOC TUAN MSV 370129 NT	120NT01161130085		1,260,000.00	6,016,451,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THI KHANH LINH MSV 381032 NT	120NT01161130086		3,600,000.00	6,020,051,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN NHU QUYNH MSV 381144 NT	120NT01161130087		3,420,000.00	6,023,471,469.00

22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI TRINH MSV 381648 NT	120NT01161130088		3,420,000.00	6,026,891,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DANG THI VAN MSSV: 380958	120NT01161130089		3,420,000.00	6,030,311,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI HOA MSV 390472 NT	120NT01161130090		3,060,000.00	6,033,371,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LO THI NU MSV 391023 NT	120NT01161130091		3,240,000.00	6,036,611,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI THUY MSV 391628 NT	120NT01161130092		2,880,000.00	6,039,491,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN THI THU MSV 380764 NT HP	120NT01161130093		3,420,000.00	6,042,911,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAN THAO LINH MSV 391631 NT	120NT01161130094		3,240,000.00	6,046,151,469.00
22/04/2016	22/04/2016	nguyen thanh quy msv 371252 nt	120NT01161130095		2,520,000.00	6,048,671,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI LIEN MSV 391612 NT	120NT01161130096		3,420,000.00	6,052,091,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAM TIEN ANH MSV393011 NT	120NT01161130097		3,060,000.00	6,055,151,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN VIET HUNG MSSV 391963	120NT01161130098		3,600,000.00	6,058,751,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HA THI THUY MSSV 372802	120NT01161130099		1,800,000.00	6,060,551,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DANG XUAN TIEN MSSV 390540	120NT01161130100		3,420,000.00	6,063,971,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NOP TIEN HOC PHI NGUYEN THI THANH THUY MSSV 382544	120NT01161130101		9,030,000.00	6,073,001,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI CHI MSSV 390822	120NT01161130102		3,600,000.00	6,076,601,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DO THU HUONG MSSV 381924	120NT01161130103		3,420,000.00	6,080,021,469.00
22/04/2016	22/04/2016	VU THI PHUONG NHUNG MA SV 371155 NOP TIEN HOC PHI KY 2 2015 2016 CT NGAN HANG BUU DIEN LIEN VIET CN DONGDO ~NC:01659361862 - Nguoi chuyen: 01659361862	001CTD1161130271		3,420,000.00	6,083,441,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI MY LINH MSSV 372514 LOP 25 K37 NOP HP KI II NAM 2015-2016	120NT01161130104		1,800,000.00	6,085,241,469.00
22/04/2016	22/04/2016	BUI THI LUC MSSV 382510 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161130105		2,700,000.00	6,087,941,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DO THI QUYNH LIEN MSSV 381926	120NT01161130106		3,420,000.00	6,091,361,469.00
22/04/2016	22/04/2016	VU XUAN DO MSSV 391922	120NT01161130107		3,060,000.00	6,094,421,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN HUY HOANG MSSV 382737	120NT01161130108		2,700,000.00	6,097,121,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRINH HOANG KHIEM MSSV 391904	120NT01161130109		3,060,000.00	6,100,181,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN DANG HUY HOANG MSSV 382740	120NT01161130110		2,700,000.00	6,102,881,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHUNG THI HONG MSSV 382728	120NT01161130111		3,240,000.00	6,106,121,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI LE MSSV 391924	120NT01161130112		3,240,000.00	6,109,361,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE HONG THAI MSSV 392246	120NT01161130113		3,060,000.00	6,112,421,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE NGOC PHAN MSSV 372643	120NT01161130114		1,800,000.00	6,114,221,469.00
22/04/2016	22/04/2016	BUI THI MINH NGUYET MSSV 382518	120NT01161130115		2,700,000.00	6,116,921,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRUONG THI HANG MSSV 382024	120NT01161130116		3,600,000.00	6,120,521,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRINH THI HOA MSV 381135 LOP 3811 KHOA 38 HK II 2015-2016	120NT01161130117		3,420,000.00	6,123,941,469.00

22/04/2016	22/04/2016	PHAM THI NGOAN MSSV 372425 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161130118		1,800,000.00	6,125,741,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI NGOC YEN MSSV 372426 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161130119		1,800,000.00	6,127,541,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI DUYEN MSSV 391957	120NT01161130120		3,060,000.00	6,130,601,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THI THUY LINH MSSV 392028	120NT01161130121		2,880,000.00	6,133,481,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAM HUNG CUONG MSV 392765	120NT01161130122		5,160,000.00	6,138,641,469.00
22/04/2016	22/04/2016	VU DANG KHOA MSSV 392035	120NT01161130123		3,060,000.00	6,141,701,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HA TO UYEN MSSV 380117	120NT01161130124		3,600,000.00	6,145,301,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI LINH MSSV 382538	120NT01161130125		2,700,000.00	6,148,001,469.00
22/04/2016	22/04/2016	VI TIEU PHUONG MSSV 381363	120NT01161130126		4,140,000.00	6,152,141,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN THI NGOC ANH MSSV 372230	120NT01161130127		1,800,000.00	6,153,941,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAM THI THU TRANG MSSV 392769 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161130128		5,160,000.00	6,159,101,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TON THI LIEN MSV .370554 NT	120NT01161130129		1,440,000.00	6,160,541,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRUONG THI KIM OANH MSV 391221 NT	120NT01161130130		3,240,000.00	6,163,781,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI MAI SEN LOP 25 K 37 MSSV 372513 NOP HP KI II NAM 2015-2016	120NT01161130131		1,800,000.00	6,165,581,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG THI MINH THU MSSV 380713 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161130132		3,600,000.00	6,169,181,469.00
22/04/2016	22/04/2016	CHU THI MINH THUY MSV 371839	120NT01161130133		2,880,000.00	6,172,061,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRUONG THI HUONG LY MSSV 372431 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161130134		1,800,000.00	6,173,861,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DAO HAI NAM MSV 380342	120NT01161130135		3,060,000.00	6,176,921,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HA THI THU THUY MSSV 380717 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161130136		3,240,000.00	6,180,161,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LUU THI VIET TRINH MSVV 390626	120NT01161130137		3,240,000.00	6,183,401,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DOAN NHAT THANH MSV 382227 NT HP	120NT01161130138		3,240,000.00	6,186,641,469.00
22/04/2016	22/04/2016	VU THUY LINH MSSV 392002	120NT01161130139		3,420,000.00	6,190,061,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NONG THI HONG DUYEN MSSV 392005	120NT01161130140		2,880,000.00	6,192,941,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGO HONG DUC MSV 391931 NTHP	120NT01161130141		3,060,000.00	6,196,001,469.00
22/04/2016	22/04/2016	CUNG CONG DUC MSSV 382431	120NT01161130142		2,700,000.00	6,198,701,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HOC PHI KI 2 MA 372139~NC:DAO NHU NGOC LINH - Nguoi chuyen: DAO NHU NGOC LINH	001CTD1161130235		2,340,000.00	6,201,041,469.00
22/04/2016	22/04/2016	BUI DUC LONG MSSV 390230	120NT01161130145		3,600,000.00	6,204,641,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAM THI BICH NGOC MSSV 381927	120NT01161130146		3,600,000.00	6,208,241,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI THU HUONG MSSV 392546	120NT01161130147		2,160,000.00	6,210,401,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI THUONG MSSV 391231	120NT01161130148		2,520,000.00	6,212,921,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI TRUC ANH MSSV 381344	120NT01161130149		3,600,000.00	6,216,521,469.00

22/04/2016	22/04/2016	PHAM VU THU BINH MSSV 391657	120NT01161130150		2,880,000.00	6,219,401,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAN THI MY LINH MSSV 382634	120NT01161130151		2,700,000.00	6,222,101,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DUONG THI TUYET MSSV 391331	120NT01161130152		3,420,000.00	6,225,521,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRUONG THI XUAN MSSV 391451	120NT01161130153		3,420,000.00	6,228,941,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THI LIEN MSSV 382838	120NT01161130154		6,450,000.00	6,235,391,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DANG PHUNG NHI MSSV 391651	120NT01161130156		3,060,000.00	6,238,451,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN NGOC HUYEN MSSV 381340	120NT01161130157		3,960,000.00	6,242,411,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI THAO MSSV 391324	120NT01161130158		3,420,000.00	6,245,831,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DAO MANH HIEP - MSV : 391839 NOP HOC PHI KY 2 (2015-2016)	270NT02161130001		2,700,000.00	6,248,531,469.00
22/04/2016	22/04/2016	BUI CAM TU MSV 371705	120NT01161130159		1,620,000.00	6,250,151,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE VY HONG MSV 382468 NT HP	120NT01161130160		6,450,000.00	6,256,601,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN PHUONG LINH MSV 380828 NT	120NT01161130161		3,600,000.00	6,260,201,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI THUONG MSV 380829 NT HP	120NT01161130162		3,600,000.00	6,263,801,469.00
22/04/2016	22/04/2016	VU DINH VUONG MSV 380825 NT	120NT01161130163		3,600,000.00	6,267,401,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LA THI THAO LOP 3712 MSSV: 371207 NOP HP KY I NAM HOC 2015-2016 ST: 540.000	102NT01161130010		540,000.00	6,267,941,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE MAI PHUONG MSSV: 393039	121NT01161130007		3,060,000.00	6,271,001,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LUONG LE MAI MSV 391016 NOP H. PHI KY II NAM HOC 15-16~NC:LUONG BAO NGOC - Nguoi chuyen: LUONG BAO NGOC	001CTD1161130413		3,600,000.00	6,274,601,469.00
22/04/2016	22/04/2016	BUI THI THU THAO MSSV 392523 NOP HOC PHI KY II NAM 2 (2015-2016)	103NT01161130032		2,160,000.00	6,276,761,469.00
22/04/2016	22/04/2016	VO DANG KHOA MSSV 370613 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130033		3,960,000.00	6,280,721,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG PHUONG THAO MSSV 370370 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130034		2,700,000.00	6,283,421,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THU HA MSSV 391816 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130035		2,880,000.00	6,286,301,469.00
22/04/2016	22/04/2016	THAI THI KIM NGAN - MSV 391357 - NOP HOC PHI KI II NAM 2016	431NT02161130001		3,060,000.00	6,289,361,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHUONG NGOC THU THAO MSSV 391535	120NT01161130165		3,780,000.00	6,293,141,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE TRANG NHUNG - MSSV 372830 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130036		3,060,000.00	6,296,201,469.00
22/04/2016	22/04/2016	KIEU DUC TRUNG MSSV 390655	120NT01161130166		2,520,000.00	6,298,721,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN HOANG LE TRINH MSSV 393006	120NT01161130167		3,060,000.00	6,301,781,469.00

22/04/2016	22/04/2016	LUONG VAN THAI MSSV 391515	120NT01161130168		3,240,000.00	6,305,021,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN CHI HIEU MSSV 391359	120NT01161130169		3,600,000.00	6,308,621,469.00
22/04/2016	22/04/2016	VU VAN PHUC MSV 381268	120NT01161130170		2,340,000.00	6,310,961,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHUNG THI KHANH LINH-MSSV: 390553-LOP:05-KHOA 39 NOP TIEN HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	104NT01161130002		2,880,000.00	6,313,841,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRIEU VAN TOAN NOP HOC PHI KY 2 MSSV:381109	113NT01161130011		3,060,000.00	6,316,901,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE PHUONG THAO MSSV 392650 NOP TIEN HOC PHI KY 2 NAM 2015-2016	290NT02161130001		2,160,000.00	6,319,061,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAN THI MINH YEN MSSV: 372047 DONG HOC PHI KY II 2015-2016	121NT01161130011		1,620,000.00	6,320,681,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LENG THUY NHI MSSV: 381354	120NT01161130171		3,600,000.00	6,324,281,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LUONG THI SON MSSV: 381456	120NT01161130172		4,100,000.00	6,328,381,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI THUY LINH MSSV 381346,NOP TIEN HOC PHI KY 2. DVH NHAN TAICN DONG DO. ~NC:DOAN HUNG - Nguoi chuyen: DOAN HUNG	001CTD1161130445		3,420,000.00	6,331,801,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI TRANG MSSV: 370639 NTHP	120NT01161130173		1,620,000.00	6,333,421,469.00
22/04/2016	22/04/2016	QUACH THI THANH TRANG MSSV: 382369	120NT01161130174		2,700,000.00	6,336,121,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LUONG THANH TU MSV 371748 NT HP	120NT01161130175		3,600,000.00	6,339,721,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN HONG NGOC MSV 381141 NT	120NT01161130176		3,420,000.00	6,343,141,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAN THI THANH THAO MSV 392525 NOP HOC PHI HOC KY II (2015-2016)	103NT01161130037		2,160,000.00	6,345,301,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRIEU THI HIEN MSV:380211 LOP 3802 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015-2016	101NT01161130008		3,600,000.00	6,348,901,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG THUY TRANG MSSV 370144 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130039		3,420,000.00	6,352,321,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAN DIEU LINH- MSSV 391159 NOP HOC PHI KY 2 (2015-2016)	103NT01161130040		2,700,000.00	6,355,021,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI THU THAO MSV 392555 NT HP	120NT01161130177		2,160,000.00	6,357,181,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN THI HAI YEN MSSV:371150 NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	124NT01161130006		1,620,000.00	6,358,801,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI DIEU ANH MSSV: 382701	120NT01161130178		2,700,000.00	6,361,501,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THI AN MSSV: 390747	120NT01161130179		2,520,000.00	6,364,021,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI THU HUONG MSSV: 380346	120NT01161130180		3,060,000.00	6,367,081,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THI DUONG MSSV: 371035	120NT01161130181		1,440,000.00	6,368,521,469.00
22/04/2016	22/04/2016	BUI THI HUE MSSV: 380365	120NT01161130182		3,060,000.00	6,371,581,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGO LINH TRANG MSSV: 370955 NTHP	120NT01161130183		540,000.00	6,372,121,469.00

22/04/2016	22/04/2016	NGO MAI THUY MSSV: 370768 NTHP	120NT01161130184		900,000.00	6,373,021,469.00
22/04/2016	22/04/2016	MAI THUAN AN MSSV: 381165	120NT01161130185		3,060,000.00	6,376,081,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DUONG THUY LINH MSSV: 390358 NTHP	120NT01161130186		2,520,000.00	6,378,601,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LE VAN SON MSSV: 381213 NHP	120NT01161130189		2,700,000.00	6,381,301,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NONG THI MO MSSV: 381954 NTHP	120NT01161130190		3,600,000.00	6,384,901,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THUY DUNG MSSV: 382108 NTHP	120NT01161130191		3,240,000.00	6,388,141,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG NGOC ANH MSV:392709	120NT01161130193		2,160,000.00	6,390,301,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LUONG THI SON NTBS MSSV: 381456	120NT01161130194		40,000.00	6,390,341,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGHIEM THI HA PHUONG MSSV: 382109	120NT01161130195		3,240,000.00	6,393,581,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI YEN MSSV: 370444 NTHP	120NT01161130196		2,700,000.00	6,396,281,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI MAI CHI MSSV: 382130 NTHP	120NT01161130197		3,240,000.00	6,399,521,469.00
22/04/2016	22/04/2016	VU THUY DUONG MSSV: 381013NTH HK2 NAM HOC 2015-2016	120NT01161130198		3,600,000.00	6,403,121,469.00
22/04/2016	22/04/2016	BUI THI DIEM MSSV: 390536 NTHP	120NT01161130199		2,880,000.00	6,406,001,469.00
22/04/2016	22/04/2016	MAI THI HA LINH NOP TIEN HOC 2015-2016 MSSV 382745 KHOA 38 CHO TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI	100NT01161130012		3,240,000.00	6,409,241,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN MY LINH MSV 362413 NP HOC LAI	120NT01161130200		540,000.00	6,409,781,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DO DIEU AI 382743 NOP HOC PHI~NC:BUI THI HOA - Nguoi chuyen: BUI THI HOA	001CTD1161130520		6,450,000.00	6,416,231,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI QUYNH ANH NT HOC PHI KY 2 2015-2016 MSSV 382867~NC:NGUYEN THI QUYNH ANH - Nguoi chuyen: NGUYEN THI QUYNH ANH	001CTD1161130525		3,060,000.00	6,419,291,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LUONG THI LAN MSV 390508 NT HP	120NT01161130201		3,060,000.00	6,422,351,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG THI ANH MSV 371017 NT	120NT01161130202		2,520,000.00	6,424,871,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN DA GIANG MSSV:392402	120NT01161130203		2,160,000.00	6,427,031,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI HA BAC MSV:380760 NTHP	120NT01161130204		3,600,000.00	6,430,631,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LUONG VAN TUNG MSV:380265 NTHP	120NT01161130205		3,960,000.00	6,434,591,469.00
22/04/2016	22/04/2016	CAO THI DUNG NOP TIEN HOC PHI KY 2 NAM HOC 2015-2016 MSSV 382741 KHOA 38 CHO TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI	100NT01161130013		2,700,000.00	6,437,291,469.00
22/04/2016	22/04/2016	QUANG THI SANG MSSV 372310 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015-2016 CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01161130010		1,800,000.00	6,439,091,469.00
22/04/2016	22/04/2016	VANG QUOC TRUONG MSSV:370805	120NT01161130207		2,340,000.00	6,441,431,469.00

22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN NGOC QUYNH MSSV 372306 NOP TIEN HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016 CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01161130013		1,800,000.00	6,443,231,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DUONG MY THO LOP 370907 STD: 0967592536 NOP HOC PHI HK I NAM HOC 2015-2016 ST: 360.000	102NT01161130011		360,000.00	6,443,591,469.00
22/04/2016	22/04/2016	MONG THI MAI PHUONG NOP HOC PHI CHO HOANG THI HA TRANG MSV.392566~NC:MONG THI MAI PHUONG - Nguoi chuyen: MONG THI MAI PHUONG	001CTD1161130557		5,160,000.00	6,448,751,469.00
22/04/2016	22/04/2016	CN dong do HN. bui thi Thuy MSV: 371843 khoa 37 nop hoc phi ky II nam 2015-2016~NC:Bui Thi Thuy - Nguoi chuyen: Bui Thi Thuy	001CTD1161130558		1,440,000.00	6,450,191,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAM HONG ANH MSV:390950 NTHP	120NT01161130209		3,060,000.00	6,453,251,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DANG THI LAN HUONG MSV 392020	120NT01161130210		3,420,000.00	6,456,671,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THANH THAO MSV 392016	120NT01161130211		2,700,000.00	6,459,371,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN THI NGAT MSV:392030 NTHP	120NT01161130212		2,880,000.00	6,462,251,469.00
22/04/2016	22/04/2016	BUI THI THUY LINH MSV:392338 NTHP	120NP03161130001		2,880,000.00	6,465,131,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LY THI HUYEN MSV:390616	120NT01161130213		3,420,000.00	6,468,551,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG HAI HANG MSSV 390107	121NT01161130012		3,600,000.00	6,472,151,469.00
22/04/2016	22/04/2016	VU QUANG HUY MSSV: 370270 NOP HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015-2016	124NT01161130010		2,520,000.00	6,474,671,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN THI MY HUYEN MSSV: 382054 LOP: 3820 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015-2016	124NT01161130011		3,780,000.00	6,478,451,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LUU TRUNG SON, MSSV 381707	121NT01161130013		2,520,000.00	6,480,971,469.00
22/04/2016	22/04/2016	VU MANH TUAN MSSV: 382062 LOP: 3820 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015 – 2016	124NT01161130012		3,780,000.00	6,484,751,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DINH DUC TRONG MSSV 371257	121NT01161130014		3,600,000.00	6,488,351,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAM THI QUYEN MSV:392038 NTHP	120NT01161130214		3,060,000.00	6,491,411,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI PHUONG THAO, MSSV 381140	121NT01161130015		3,420,000.00	6,494,831,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI TRA MY MSSV 390244	121NT01161130016		3,250,000.00	6,498,081,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG THI NHUNG MSV:392032	120NT01161130215		2,880,000.00	6,500,961,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LAI THI HAI YEN, MSSV 370403	121NT01161130017		1,080,000.00	6,502,041,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DINH THUY HIEN MSSV 392874 LOP 3928 NOP HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	111NT01161130009		2,160,000.00	6,504,201,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DINH HONG THIEN MSSV 391218 LOP 3912 NOP HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016	111NT01161130010		3,060,000.00	6,507,261,469.00

22/04/2016	22/04/2016	HA THI HANH NGUYEN MSSV 392670	121NT01161130018		5,160,000.00	6,512,421,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN TRONG THAI MSV:391044 NOP HP KY 2 N2015-2016	105NT01161130031		900,000.00	6,513,321,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DO THI BICH PHUONG MSSV 390219	121NT01161130019		3,240,000.00	6,516,561,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI HAI MSV:372427 NTHP	120NT01161130216		1,800,000.00	6,518,361,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN QUYNH ANH MSSV: 371930	123NT01161130006		2,160,000.00	6,520,521,469.00
22/04/2016	22/04/2016	HO THI DIU - 361751	123NT01161130007		1,260,000.00	6,521,781,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DO THI HOA , MSSV 382421	121NT01161130020		2,700,000.00	6,524,481,469.00
22/04/2016	22/04/2016	LAI PHUONG UYEN MSV:392043	120NT01161130217		3,240,000.00	6,527,721,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DANG TRUNG NGHIA, MSSV 391437	121NT01161130021		3,600,000.00	6,531,321,469.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAM KIM TUYEN MSSV 391067	121NT01161130022		3,600,000.00	6,534,921,469.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN HOANG YEN , MSSV 390750	121NT01161130023		3,420,000.00	6,538,341,469.00
22/04/2016	22/04/2016	DO HUYEN MY MSSV 392571	121NT01161130024		5,160,000.00	6,543,501,469.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI HA, MSV: 371864 NOP HOC PHI	133NT02161130001		725,500.00	6,544,226,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN QUYNH CHI MSSV: 391461 NTHP HK2 NAM HOC 2015-2016	120NT01161130218		14,040,000.00	6,558,266,969.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG THI NGOC ANH MSV: 382349 NTHP	120NT01161130219		6,450,000.00	6,564,716,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LO THUY TRANG MSSV 380464 LOP 3804 KHOA 38 NOP HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	101NT01161130015		3,240,000.00	6,567,956,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN THI BAO CHAM MSV 392107 NT	120NT01161130220		3,240,000.00	6,571,196,969.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG THI NGOC LINH MSV 392110 NT	120NT01161130221		3,420,000.00	6,574,616,969.00
22/04/2016	22/04/2016	MA THI PHUONG MSV 391872 NT	120NT01161130222		4,140,000.00	6,578,756,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI DUNG HANH 380258	105NT01161130032		3,420,000.00	6,582,176,969.00
22/04/2016	22/04/2016	DO MINH TAN NT HOC PHI HOC KY 2/2015-2016 CHO NGUYEN THANH HUONG)(MSV: 371328)	123NT01161130012		2,520,000.00	6,584,696,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LY THI HANH MSSV: 381557 NTHP	120NT01161130223		3,600,000.00	6,588,296,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THI HUONG MSV 380435 NT	120NT01161130224		3,600,000.00	6,591,896,969.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAN THI VUI MSSV: 381412 NTHP	120NT01161130225		3,600,000.00	6,595,496,969.00
22/04/2016	22/04/2016	DINH THI PHUONG MSV 380765 NT HP	120NT01161130226		3,420,000.00	6,598,916,969.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG THI HOI MSV 392721 NT	120NT01161130227		2,880,000.00	6,601,796,969.00
22/04/2016	22/04/2016	BUI THI HUONG HAI MSV: 390836	120NT01161130228		3,240,000.00	6,605,036,969.00
22/04/2016	22/04/2016	SAM THI HUE MSSV: 381418 NTHP	120NT01161130229		3,600,000.00	6,608,636,969.00
22/04/2016	22/04/2016	HA THI HOAI MSSV: 390640 NTHP	120NT01161130230		3,060,000.00	6,611,696,969.00

22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN PHUONG THAO MSSV: 392062	120NT01161130231		3,240,000.00	6,614,936,969.00
22/04/2016	22/04/2016	HO TEN: VU HA MY MSSV: 391153	104NT01161130004		2,880,000.00	6,617,816,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TAO QUOC HUY MSSV: 392108 NTHP	120NT01161130232		3,420,000.00	6,621,236,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN DUY THANG MSV: 392117	120NT01161130233		3,240,000.00	6,624,476,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LAI THI THAO ANH MSSV: 382352 NTHP	120NT01161130234		6,450,000.00	6,630,926,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI THUY LINH MSSV: 392732 NTHP	120NT01161130235		2,160,000.00	6,633,086,969.00
22/04/2016	22/04/2016	MA THI HUONG, MA SINH VIEN: 390173-LOP 3901-TRUONG DH LUAT HN NT HOC PHI	100NT01161130016		3,060,000.00	6,636,146,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN NGOC DUC MSV: 371076 NTHP	120NT01161130236		1,800,000.00	6,637,946,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGO THI NGOC MSSV: 380252 NTHP	120NT01161130237		3,600,000.00	6,641,546,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LY HUY HOANG MSSV 370442	121NT01161130025		2,340,000.00	6,643,886,969.00
22/04/2016	22/04/2016	HA QUANG HUY MSSV 380664	121NT01161130026		3,240,000.00	6,647,126,969.00
22/04/2016	22/04/2016	HOC PHI HOC KY 2 NAM HOC 2015-2016, MSSV 372120	350NT02161130001		1,800,000.00	6,648,926,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI NGOC LAN MSSV: 381148 NTHP	120NT01161130238		3,420,000.00	6,652,346,969.00
22/04/2016	22/04/2016	HA THI HIEN MSSV: 372411 NTHP	120NT01161130239		1,800,000.00	6,654,146,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGO THI ANH NGUYET MSV: 381417 NTHP	120NT01161130240		3,420,000.00	6,657,566,969.00
22/04/2016	22/04/2016	HA THI THONG. MA SINH VIEN 371913 KHOA 37 NOP TIEN HOC PHI KI 2 NAM 2015-2016	114NT01161130021		1,080,000.00	6,658,646,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN QUOC HOAN MSSV 370417	121NT01161130027		4,140,000.00	6,662,786,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI HUONG MSSV 371136	121NT01161130028		900,000.00	6,663,686,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI CHUC MSSV 370349	121NT01161130029		1,080,000.00	6,664,766,969.00
22/04/2016	22/04/2016	Le thi Thoa MSV: 371145 lop 3711 khoa 37 nop hoc phi ky II nam hoc 2015-2016~NC:Le Thi Thoa - Nguoi chuyen: Le Thi Thoa	001CTD1161130597		3,240,000.00	6,668,006,969.00
22/04/2016	22/04/2016	DO THI BICH LE NOP TIEN HOC PHI KY II: MA SO SINH VIEN: 390.456	370NT02161130001		3,060,000.00	6,671,066,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI THUY DUONG MSV 372142 NT HOC KY 2 NAM 2015-2016	360NT02161130002		1,800,000.00	6,672,866,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THI THU TRANG MSV 391639 NT	120NT01161130241		3,240,000.00	6,676,106,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI THU DUNG MSV 390843 NT	120NT01161130242		3,240,000.00	6,679,346,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI HONG HAO MSV 370844 NT	120NT01161130243		1,260,000.00	6,680,606,969.00
22/04/2016	22/04/2016	CHU THI THU MSV 392316 NT HP	120NT01161130244		2,160,000.00	6,682,766,969.00
22/04/2016	22/04/2016	DINH THI KIM TUYEN MSV 391637 NT	120NT01161130245		3,240,000.00	6,686,006,969.00
22/04/2016	22/04/2016	BUI THI THU MSSV 392353 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130042		2,160,000.00	6,688,166,969.00

22/04/2016	22/04/2016	150_NGUYEN THI LAN.370324 NOP TIENHOC PHI ~NC:HONG LINH HA TINH0949557845 - Nguoi chuyen: HONG LINH HA TINH0949557845	001CTD1161130615		1,800,000.00	6,689,966,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI HUONG GIANG MSSV 392337 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130043		2,160,000.00	6,692,126,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN TRUNG KIEN MSSV 380530 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130044		3,240,000.00	6,695,366,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI VAN NOP HP KY II 2015-2016 MSSV: 371523	102NT01161130012		2,340,000.00	6,697,706,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN MAI ANH MSSV 382759 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130045		2,700,000.00	6,700,406,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN HUNG HAI MSSV 371630 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130046		2,520,000.00	6,702,926,969.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG THI THUY DUONG NT HOC KY II 2015-2016 MSSV: 372708	102NT01161130013		1,800,000.00	6,704,726,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN HOANG DUONG MSSV 370571 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130047		1,800,000.00	6,706,526,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LUU THI THUY MSSV 381933 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130048		3,600,000.00	6,710,126,969.00
22/04/2016	22/04/2016	MAI THI HAI DUYEN NOP HP KY II 2015-2016 MSSV: 372326	102NT01161130014		1,800,000.00	6,711,926,969.00
22/04/2016	22/04/2016	VI TIEU MAI MSSV 370847 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130049		1,100,000.00	6,713,026,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TRUONG ANH TUYET MSSV 392039 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130050		3,060,000.00	6,716,086,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LEN THI PHUONG MSSV 371837 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130051		1,260,000.00	6,717,346,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN HANH LINH MSSV 382150 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130052		3,240,000.00	6,720,586,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI YEN NT HP HKII NAM 2015-2016 MSV: 372223	102NT01161130015		1,800,000.00	6,722,386,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LAU A PENH MSSV 381338 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130053		540,000.00	6,722,926,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN THI HOA BINH MSSV 382342 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130054		6,450,000.00	6,729,376,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THI NGCO BICH NT HP HK II NAM HOC 2016-2016 MSV: 372227	102NT01161130016		1,800,000.00	6,731,176,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN VAN QUAN MSSV 372064 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130055		1,800,000.00	6,732,976,969.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG THI HIEU MSSV 391239 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130056		3,420,000.00	6,736,396,969.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAM THI THUONG MSSV 370865 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130057		1,800,000.00	6,738,196,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN DIEU LINH MSSV 382340 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130058		2,700,000.00	6,740,896,969.00

22/04/2016	22/04/2016	DAO THI THUY ANH MSSV 382343 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130059		2,700,000.00	6,743,596,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TC:Z04500137.DOAN THI ANH HONG, CT MSSV 392727~NC:DOAN THI DAO - Nguoi chuyen: DOAN THI DAO	001CTD1161130634		2,170,000.00	6,745,766,969.00
22/04/2016	22/04/2016	SV Nong Thi Tam MS 371802 nop hoc phi ky 2, nam thu 4~NC:NGUYEN MAI SON - Nguoi chuyen: NGUYEN MAI SON	001CTD1161130659		540,000.00	6,746,306,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THU HA MSSV 370353 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130060		2,160,000.00	6,748,466,969.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAN QUOC HIEP - MSSV 390982 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130061		7,740,000.00	6,756,206,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THUY DUONG MSSV 382373 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130062		2,700,000.00	6,758,906,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THUY LINH MSSV 371533 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130063		900,000.00	6,759,806,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN HAI ANH MSSV 370275 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130064		2,160,000.00	6,761,966,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN VAN DANG MSSV 370151 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130065		2,160,000.00	6,764,126,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TRUONG DINH THANH MSSV 361234 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130066		2,160,000.00	6,766,286,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI NGOC MSSV 371536 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130067		540,000.00	6,766,826,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THANH DAT MSSV 371905 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130068		1,980,000.00	6,768,806,969.00
22/04/2016	22/04/2016	DINH THI THANH NGUYET MSSV 371914 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130069		2,880,000.00	6,771,686,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI YEN MSSV 372027 NOP HOC PHI HOC KI II (2015-2016)	103NT01161130070		2,160,000.00	6,773,846,969.00
22/04/2016	22/04/2016	SV HUA HAI LINH MSSV 391254 LOP CLC39A NOP TIEN HP HK 2 NAM 2015-2016	111NT01161130013		14,040,000.00	6,787,886,969.00
22/04/2016	22/04/2016	VI THI VAN ANH MSSV 372011 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130071		1,260,000.00	6,789,146,969.00
22/04/2016	22/04/2016	BE THI HUONG MSSV 380857 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130072		3,420,000.00	6,792,566,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NONG NGOC LAN NT HP MSSV: 370242	102NT01161130017		1,620,000.00	6,794,186,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NOP TIEN HOC PHI 17 TIN CHI SINH VIEN BUI THU UYEN. MA SO SV:381440	114NT01161130024		3,060,000.00	6,797,246,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI TO LINH MSSV 371947 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130073		3,060,000.00	6,800,306,969.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG THI MAI LIEN MSSV 393145	121NT01161130030		3,240,000.00	6,803,546,969.00
22/04/2016	22/04/2016	VO NGOC PHUONG LINH MSSV 391066 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130074		3,600,000.00	6,807,146,969.00

22/04/2016	22/04/2016	LE HUNG TU MSSV 372330 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130075		1,800,000.00	6,808,946,969.00
22/04/2016	22/04/2016	DANG THI DAO MSSV 382420 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130076		2,700,000.00	6,811,646,969.00
22/04/2016	22/04/2016	SV NGUYEN VAN QUANG - MSSV: 392901 NOP TIEN HOC PHI	360NT02161130003		14,040,000.00	6,825,686,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN NGOC SON MSSV 371814 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130077		1,620,000.00	6,827,306,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TRIEU THUY LINH MSSV 381401 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130078		3,600,000.00	6,830,906,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TO THI THU THUY MSSV 371911 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130079		3,420,000.00	6,834,326,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN THI THUY AN MSSV 371869 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130080		3,600,000.00	6,837,926,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN THI THU HANG MSSV 371954 NOP HOC PHI HOC KY II (2015-2016)	103NT01161130081		1,800,000.00	6,839,726,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TA THI NGOC QUYNH MSSV 390981 NOP HOC PHI HOC KY II (2015-2016)	103NT01161130082		6,020,000.00	6,845,746,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI HOANG YEN MSSV 381542 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130083		3,600,000.00	6,849,346,969.00
22/04/2016	22/04/2016	DAO THI KIM THANH MSSV 371073 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130084		1,260,000.00	6,850,606,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN TRONG NGHIA MSSV 372725 NOP HOC PHI HOC KI II (2015-2016)	103NT01161130085		2,340,000.00	6,852,946,969.00
22/04/2016	22/04/2016	DIEU THI LUONG MSSV 380302 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130086		3,600,000.00	6,856,546,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TRINH THI HUYEN TRANG MSSV 390755 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130087		2,520,000.00	6,859,066,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI THUONG MSSV 370352 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130088		1,800,000.00	6,860,866,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN CAO THE MSSV 371568 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130089		2,520,000.00	6,863,386,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN MINH TAM MSSV 380650 NOP HOC PHI HOC KY II (2015-2016)	103NT01161130090		3,600,000.00	6,866,986,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN HOANG HUONG MSSV 392658 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130091		2,160,000.00	6,869,146,969.00
22/04/2016	22/04/2016	HO HAI SON MSSV 381848 NOP HOC PHI HOC KI II (2015-2016)	103NT01161130092		3,420,000.00	6,872,566,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN HAI QUYNH NT HOC PHI KY 2-MSSV 372713 TAI NH BUU DIEN LIEN VIET -CN DONG DO~NC:NGUYEN HAI QUYNH - Nguoi chuyen: NGUYEN HAI QUYNH	001CTD1161130718		1,800,000.00	6,874,366,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN THI DUNG MSSV 390931 NOP HOC PHI HOC KY II (2015-2016)	103NT01161130093		2,880,000.00	6,877,246,969.00

22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI HAI MSSV 392444 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130094		2,160,000.00	6,879,406,969.00
22/04/2016	22/04/2016	BUI BICH NGOC MSSV: 390465 LOP: 3904 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015-2016	124NT01161130020		3,600,000.00	6,883,006,969.00
22/04/2016	22/04/2016	KHUONG VAN TRANG MSSV: 390404 LOP: 3904 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015-2016	124NT01161130021		3,420,000.00	6,886,426,969.00
22/04/2016	22/04/2016	VU THI HONG NHUNG MSV 380517	120NT01161130248		3,420,000.00	6,889,846,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI OANH MSSV 380756	120NT01161130249		3,600,000.00	6,893,446,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN PHU SON MSV 380368	120NT01161130250		3,420,000.00	6,896,866,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN HUYEN TRANG LOP 4029A2 MSV 402935 NT HOC PHI LAN 2 KY 2	250NT02161130002		10,740,000.00	6,907,606,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI GIANG MSV 390834 NT	120NT01161130251		3,420,000.00	6,911,026,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LUONG LAM THAO MSSV 382110 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161130095		3,240,000.00	6,914,266,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN THU HA MSV 372034 NT	120NT01161130252		2,700,000.00	6,916,966,969.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG THI HAO MSV 390439 NT	120NT01161130253		3,600,000.00	6,920,566,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN DINH TINH MSV 380953	120NT01161130254		3,600,000.00	6,924,166,969.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAM THI HUONG MSV 371738 NT	120NT01161130255		1,440,000.00	6,925,606,969.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG THI THU AN MSV 392610 NT	120NT01161130256		2,160,000.00	6,927,766,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TRIEU TIEN HUNG MSV 370747 NHP	120NT01161130257		3,135,000.00	6,930,901,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN TIEN TUAN MSV 361665 NHP	120NT01161130258		5,220,000.00	6,936,121,969.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAN VIET ANH MSV 370535 NT	120NT01161130259		1,800,000.00	6,937,921,969.00
22/04/2016	22/04/2016	HA THI BICH MSV 370140 NT	120NT01161130260		1,440,000.00	6,939,361,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016 MSSV 381026 NGUYEN THI THU	105NT01161130034		3,600,000.00	6,942,961,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI MAI ANH MSV 380643 NT	120NT01161130261		3,240,000.00	6,946,201,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI QUYNH MSV 372544	120NT01161130262		1,800,000.00	6,948,001,969.00
22/04/2016	22/04/2016	DAM THI HONG NHUNG MSSV 381802 NT HP	120NT01161130263		3,060,000.00	6,951,061,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGO THI HANG MSV 372538 NT	120NT01161130264		1,800,000.00	6,952,861,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LINH THI CHINH MSSV 390220	120NT01161130265		3,600,000.00	6,956,461,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TA VAN HUNG MSV 371763 NT	120NT01161130267		1,800,000.00	6,958,261,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN THI CUC MSSV 372454	120NT01161130268		1,800,000.00	6,960,061,969.00
22/04/2016	22/04/2016	DO MINH TRUNG MSSV 382819	120NT01161130269		3,250,000.00	6,963,311,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TRINH THAI HOANG MSSV 380647	120NT01161130270		3,960,000.00	6,967,271,969.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG THU THUY MSSV 390903	120NT01161130272		3,600,000.00	6,970,871,969.00

22/04/2016	22/04/2016	DINH THI HAN MSSV 381356	120NT01161130273		2,880,000.00	6,973,751,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LO DUC DOAN MSSV: 380367 NTHP	120NT01161130274		3,780,000.00	6,977,531,969.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAM QUOC DUNG MSSV 372429	120NT01161130275		2,520,000.00	6,980,051,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN THI THUY LINH MSSV: 372837 NTHP	120NT01161130276		1,800,000.00	6,981,851,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THI THUY NGA MSSV 380715	120NT01161130277		2,880,000.00	6,984,731,969.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAN THI UYEN MSV: 371243 NTHP	120NT01161130278		1,440,000.00	6,986,171,969.00
22/04/2016	22/04/2016	BUI PHUONG THAO MSSV 391213	120NT01161130279		2,880,000.00	6,989,051,969.00
22/04/2016	22/04/2016	VU THI LE HOA MSSV: 380335	120NT01161130280		3,600,000.00	6,992,651,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI BICH NGOC MSV 391217	120NT01161130281		2,880,000.00	6,995,531,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN THI LUU LY NBS TIEN MSSV: 380118	120NT01161130282		180,000.00	6,995,711,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI KIEU TRANG MSSV 381705	120NT01161130283		3,240,000.00	6,998,951,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI DUNG MSV: 372743 NTHP	120NT01161130284		1,800,000.00	7,000,751,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LE QUYNH NGA MSV 392329	120NT01161130285		2,160,000.00	7,002,911,969.00
22/04/2016	22/04/2016	MA THI TUYET 381716	120NT01161130286		3,240,000.00	7,006,151,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THI TUYET MSV 380840 NT	120NT01161130287		3,600,000.00	7,009,751,969.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAM THI PHUONG MSSV: 380724 NTHP	120NT01161130289		3,600,000.00	7,013,351,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LUONG THI PHUONG NGA MSSV: 390936 NTHP	120NT01161130290		2,880,000.00	7,016,231,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TRUONG VU GIANG MSV: 382870 NTHP	120NT01161130291		2,700,000.00	7,018,931,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THI HUONG MSSV: 372517 NTHP	120NT01161130293		1,800,000.00	7,020,731,969.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAM THI BAO NGOC MSSV 390961	120NT01161130294		3,600,000.00	7,024,331,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TRIEU THI HEO MSSV: 391902 NTHP	120NT01161130295		3,240,000.00	7,027,571,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THAI HOA MSSV 392104 NT HP	120NT01161130296		3,240,000.00	7,030,811,969.00
22/04/2016	22/04/2016	VU THANH TUNG LAM MSSV: 371646	120NT01161130297		4,500,000.00	7,035,311,969.00
22/04/2016	22/04/2016	BE THANH TUNG MSSV: 370510 NTHP	120NT01161130298		900,000.00	7,036,211,969.00
22/04/2016	22/04/2016	DO THU HA MSSV 392166	120NT01161130299		3,420,000.00	7,039,631,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGO THI KIEU OANH MSV: 392430 NTHP	120NT01161130300		2,880,000.00	7,042,511,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN HA PHUONG HANH MSSV 370528	120NT01161130302		900,000.00	7,043,411,969.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG TUAN ANH MSSV 380806 NT HP	120NT01161130303		3,600,000.00	7,047,011,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THU HUONG.MSSV: 392925	120NT01161130304		3,060,000.00	7,050,071,969.00
22/04/2016	22/04/2016	DAM VAN LINH MSSV 371506	120NT01161130305		1,080,000.00	7,051,151,969.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAM THI LIEN MSSV 371525	120NT01161130306		3,240,000.00	7,054,391,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN THI MEN MSSV 371514	120NT01161130307		2,160,000.00	7,056,551,969.00
22/04/2016	22/04/2016	VU THI CHIEN MSSV 392928	120NT01161130308		3,060,000.00	7,059,611,969.00

22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THU HUONG MSSV 382568	120NT01161130309		2,700,000.00	7,062,311,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NT HOC PHI KY II NAM 2015-2016 CUAVANG THI DIA MSV 371737 ~NC:01626151129 - Nguoi chuyen: 01626151129	001CTD1161130765		1,280,000.00	7,063,591,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LE XUAN TRUNG MSSV 391755	120NT01161130310		2,520,000.00	7,066,111,969.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG VUONG YEN.MSSV: 372816	120NT01161130311		1,800,000.00	7,067,911,969.00
22/04/2016	22/04/2016	Sinh Vien Thao A Sung MSSV:381068 (hoc lai mon the duc 2 tin chi) nop hoc phi mon the duc hoc ki 2 nam hoc 2015-2016~NC:Thao A Sung - Nguoi chuyen: Thao A Sung	001CTD1161130787		360,000.00	7,068,271,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN THI MAI PHUONG.MSSV: 372740	120NT01161130312		1,800,000.00	7,070,071,969.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAN DINH HOAN MSSV 392710	120NT01161130313		2,160,000.00	7,072,231,969.00
22/04/2016	22/04/2016	TRAN THI THU TRANG MSSV: 371931 NTHP	120NT01161130314		1,080,000.00	7,073,311,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN KHANH LINH,HOC PHI.MSSV: 372633	120NT01161130315		2,520,000.00	7,075,831,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THI LAN ANH MSSV 390234	120NT01161130316		3,600,000.00	7,079,431,969.00
22/04/2016	22/04/2016	DINH VAN CHIEN.MSSV: 381012	120NT01161130318		3,960,000.00	7,083,391,969.00
22/04/2016	22/04/2016	DUONG VAN ANH.MSSV: 370716	120NT01161130319		2,520,000.00	7,085,911,969.00
22/04/2016	22/04/2016	HOANG THI YEN MSSV 371614	120NT01161130320		1,800,000.00	7,087,711,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LY HOANG QUY MSSV 392712	120NT01161130321		2,880,000.00	7,090,591,969.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAM MINH DUC MSSV 390353	120CT01161130006		3,240,000.00	7,093,831,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THI THANH NGA MSSV 370152 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130097		2,520,000.00	7,096,351,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN VAN ANH MSSV 370612 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130098		1,800,000.00	7,098,151,969.00
22/04/2016	22/04/2016	BUI THI HONG HANH MSSV 380166 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130099		3,420,000.00	7,101,571,969.00
22/04/2016	22/04/2016	DANG THI MINH NGOC LOP 3924 MSSV 392452 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130100		2,160,000.00	7,103,731,969.00
22/04/2016	22/04/2016	NGUYEN LAN PHUONG MSSV 392529 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161130101		2,880,000.00	7,106,611,969.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAN THI HOANG YEN MSSV 370106 NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	250NT02161130003		540,000.00	7,107,151,969.00
22/04/2016	22/04/2016	LE THI DAO MSV 360629 NOP HOC PHI KY 2 NAM HOC 2015/2016	105NT01161130041		1,620,000.00	7,108,771,969.00
22/04/2016	22/04/2016	PHAM THI ANH MSSV 392233 NOP HP	105NT01161130044		3,600,000.00	7,112,371,969.00

Cộng doanh số Total		1,527,525,500.00	
Số dư cuối kỳ Ending Balance			7,112,371,969.00

Đề nghị Quý khách kiểm tra lại bảng sao kê này và thông báo ngay sai sót cho Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được bảng sao kê.
Please examine this statement and advise us of any discrepancy within 14 days upon receipt.

Người lập

Kiểm soát